TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:125/2024/QĐST-HNGĐ	*Phổ Yên, ngày 12 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ân Thị B, sinh năm 1991;

- Bị đơn: Anh Diệp Văn T, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Xóm VP, xã TC, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ân Thị B và anh Diệp Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ân Thị B và anh Diệp Văn T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị B, anh T đều xác định trong quá trình chung sống anh chị có ba con chung là: Diệp Tuấn Anh T, sinh ngày 02/9/2010; Diệp Văn T, sinh ngày 27/11/2013 và Diệp Thị L, sinh ngày 30/12/2019.

Chị B, anh T nhất trí thoả thuận: Giao cho anh Diệp Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung là: Diệp Tuấn Anh T, sinh ngày 02/9/2010 và Diệp Văn T, sinh ngày 27/11/2013 và Diệp Thị L, sinh ngày

30/12/2019 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị B, anh T thống nhất thoả thuận: Anh T nuôi con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị B cho đến khi anh T có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị B, anh T đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì, nên không đặt ra việc giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị B, anh T thống nhất thoả thuận: Chị B chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PY tại Biên lai thu số 0001747 ngày 12/7/2024. Hoàn trả lại cho chị B150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- THADS thành phố PY;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã TC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy